

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2022/HS-ST
Ngày 30-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 179/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn P, sinh năm 1992 tại Kiên Giang; Hộ khẩu thường trú: Ấp 6, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Tạm trú: khu phố 1, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T, sinh năm 1971 và bà Lê Thị M, sinh năm 1974; vợ tên Thị Bích D, sinh năm 1999; bị cáo có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1999 tại Long An; Hộ khẩu thường trú: khu phố R, thị trấn T, huyện H, tỉnh Long An; Tạm trú: khu phố 1, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1971; vợ tên Nguyễn Thị Tường V; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Lê Văn T2, sinh năm 1985 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp Mỹ Tây 3, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn U, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1955; vợ Nguyễn Thúy O, sinh năm 1989, có 02 người con, người lớn sinh năm 2018, người nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/12/2014, Lê Văn T2 bị Tòa án nhân

dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng 14 ngày tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; Bị cáo tại ngoại. Bị cáo tại ngoại, bỏ trốn và bị truy nã. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

4. Phan Thanh T3, sinh năm 1992 tại An Giang; Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã L, huyện P, tỉnh An Giang; Tạm trú: khu phố 1, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn S, sinh năm 1961 và bà Lê Thị X sinh năm 1968; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

5. Hoàng Văn H, sinh năm 1988 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu phố 4, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn V, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954; vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

6. Nguyễn Hữu L, sinh năm 1996 tại Thanh Hóa; Hộ khẩu thường trú thôn 2, xã Thiệu Vân, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Tạm trú: ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Bị hại*: Công ty TNHH Z; địa chỉ: khu công nghiệp Vsip IIA, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo ủy quyền: ông C, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Hùng, ông Hoàng Văn Việt. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn P, Nguyễn Ngọc Q, Phan Thanh T3 có mối quan hệ là bạn và cùng là công nhân của Công ty TNHH Z trong khu công nghiệp Vsip IIA, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Lê Văn T2 là bảo vệ của Công ty dịch vụ bảo vệ Á Châu, thuộc phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và được phân công trực mục tiêu tại Công ty TNHH Z. Lê Văn T2 và Trần Văn P có mối quan hệ là bạn.

Do không có tiền tiêu xài, P nảy sinh ý định lấy trộm hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng của công ty để bán, thực hiện ý định P đi đến tiệm thu mua phế liệu (không tên) thuộc phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương do Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H làm chủ. Tại đây, P gặp bà H1, P đưa hình ảnh hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng cho bà H1 xem và hỏi bà H1 là có mua hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng không thì bà H1 trả lời là “Tôi mua với giá 10.000 đồng/01kg”, sau đó P xin số điện thoại của bà H1 để liên lạc, bà H1 nói P số điện thoại ở trên bảng hiệu, P

lưu số điện thoại trên bảng hiệu 0933.453.906 và đi về, bà H1 nói lại việc có 01 người đàn ông đến tiệm hỏi mua hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng cho Hbiết với giá 10.000 đồng/01kg. Đến khoảng 16 giờ ngày 23/7/2019, P tiếp tục đi đến tiệm phế liệu, thì gặp bà H1, lúc này P nói bà H1 là “có gì cho xe vào chở hàng giùm” bà H1 đồng ý, sau đó P đi đến công ty làm việc. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, P gọi điện thoại vào số 0933.453.906 thì Hnghe máy, P bảo H là “Tối khi nào gọi điện thoại thì cho xe vào chở hàng, là hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng”, H đồng ý (P không nói cho H địa chỉ chở hàng là ở địa điểm nào). Sau đó, P gọi điện thoại rủ Quý và Phan Thanh T3 lấy trộm hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng của công ty đem bán lấy tiền, chia nhau tiền tiêu xài thì Quý và Phan Thanh T3 đồng ý, P tiếp tục đi ra chốt gác bảo vệ cổng chính của công ty thì gặp Lê Văn T2, P bảo Lê Văn T2 là “Tối anh cho xe vào chở hàng hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng của công ty, ra ngoài có gì bán được thì chia tiền xài”, Lê Văn T2 đồng ý. Đến khoảng 02 giờ ngày 24/7/2019, P gọi điện thoại cho 01 người đàn ông tên Hai (không rõ nhân thân lai lịch) đi vào Công ty TNHH Z phụ giúp P sang hạt nhựa ABS của công ty để bán rồi chia nhau tiền tiêu xài, đối tượng Hai đồng ý. Khoảng 15 phút sau, đối tượng Hai cùng với một người đàn ông (không rõ nhân thân) đi đến trước cổng công ty và gọi điện cho P, sau đó P gọi điện thoại bảo Lê Văn T2 cho đối tượng tên Hai đi vào trong công ty để phụ giúp P vận chuyển hạt nhựa ABS, Lê Văn T2 đồng ý, đồng thời, P gọi điện thoại và bảo Q và Phan Thanh T3 đi đến kho chứa hạt nhựa ABS của công ty, để vận chuyển hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng đem ra ngoài mang ra nhà kho của công ty, Q và Phan Thanh T3 đồng ý. Sau đó, P dùng xe nâng tay của công ty rồi kéo thùng hàng (của công ty) đi phía trước với mục đích là che khuất hệ thống camera của công ty còn Q và Phan Thanh T3 dùng xe nâng tay của công ty mỗi người kéo 02 bao tải chứa hạt nhựa ABS màu đen (chưa qua sử dụng; mỗi bao khoảng 500kg) đi theo sau ra bên ngoài nhà kho của công ty, khi vận chuyển hạt nhựa ABS ra ngoài kho công ty thì Q và Phan Thanh T3 đi về xưởng của công ty để làm việc. P gọi điện thoại và chỉ đường cho H đi đến Công ty TNHH Z thuộc khu công nghiệp Vsip IIA, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương để lấy hàng là hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng, H đồng ý. Cùng thời điểm này, đối tượng tên Hai và người đàn ông (không rõ nhân thân) đi đến vị trí của P, lúc này P bảo đối tượng Hai lấy các bao tải nhỏ, lớn để phân hạt nhựa ABS, sau đó đối tượng Hai và người đàn ông trên phân hạt nhựa ABS từ 04 bao tải màu đen sang 24 bao tải nhỏ, 05 bao tải lớn, P bảo đối tượng Hai và người đàn ông ở đây đợi, khi nào có xe tải đến thì mang 24 bao tải nhỏ, 05 bao tải lớn ABS lên trên xe ô tô tải, đối tượng Hai đồng ý. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, H điều khiển xe ô tô tải biển số 61C – 091.62 và cùng với Nguyễn Hữu L, (là người làm công cho P) đi đến công ty TNHH Z, khi đến nơi thì H gặp Lê Văn T2, H bảo Lê Văn T2 là đi chở hàng cho P, Lê Văn T2 mở cửa và bảo H điều khiển xe đi đến nhà kho của công ty. Khi đi đến nhà kho của công ty H, L gặp đối tượng Hai và người đàn ông (không rõ nhân thân), còn P đang đứng ở vị trí phòng làm việc của các chuyên gia trong công ty (cách vị trí kho của công ty khoảng 30 mét) với mục đích là để cảnh giới. Sau đó, H, L, đối tượng Hai và người đàn ông (không rõ nhân thân) vận chuyển 24 bao tải nhỏ và 05 bao tải lớn chứa hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng lên

xe ô tô biển số 61C – 091.62, khi vận chuyển xong thì H và L biết hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng là tài sản của công ty không phải là của là tài sản của P (do tổng số hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng đều không có hóa đơn xuất hàng) nhưng H và Lợi vẫn phụ giúp vận chuyển các hạt nhựa ABS lên xe 61C – 091.62 để mang về tiệm thu mua phế liệu của H để mua. Sau đó, H điều khiển xe 61C – 091.62 chở Lợi đi ra công công ty, khi H điều khiển xe đi đến công công ty thì Lê Văn T2 không kiểm tra hàng hóa trên xe, không kiểm tra giấy tờ ra công mà mở công cho xe chạy ra. H điều khiển xe đi được khoảng 500 mét thì bị lực lượng bảo vệ Vsip IIA phát hiện H đang điều khiển xe 61C – 091.62 có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện trên xe 61C – 091.62 có 24 bao tải nhỏ và 05 bao tải lớn chứa hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng (không có hóa đơn chứng từ) nên đưa H, L về Văn phòng bảo vệ Vsip IIA, thuộc khu công nghiệp Vsip IIA, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Đồng thời, báo cho Đoàn Công an khu công nghiệp thị xã T biết sự việc. Riêng Trần Văn P, Nguyễn Ngọc Q, Phan Thanh T3 và Lê Văn T2 đã bỏ trốn.

Sau khi công ty TNHH Z phát hiện bị mất tài sản là hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng nên ông C đến Đoàn Công an khu công nghiệp thị xã T trình báo sự việc công ty bị mất trộm hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng.

Đồn Công an khu công nghiệp thị xã T tiến hành đi cân tổng trọng lượng hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng mà P cùng đồng phạm trộm cắp của công ty TNHH Z thì xác định tổng trọng lượng là 2.040kg hạt nhựa ABS. Đồn Công an khu công nghiệp thị xã T tiến hành tạm giữ: 01 xe ô tô biển số 61C – 091.62, 01 Giấy đăng ký xe và Giấy chứng nhận kiểm định xe 61C – 091.62, 01 Giấy phép lái xe hạng A1; C tên Hoàng Văn H, 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng vàng. 01 điện thoại Iphone 7 màu đen.

Sau đó, Đồn Công an khu công nghiệp thị xã T chuyển hồ sơ vụ việc cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T để thụ lý, điều tra theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương đã mời Trần Văn P, Nguyễn Ngọc Q, Phan Thanh T3, Lê Văn T2, Hoàng Văn H và Nguyễn Hữu L đến trụ sở để làm việc. Qua làm việc: Trần Văn P, Nguyễn Ngọc Q, Phan Thanh T3 và Lê Văn T2 khai nhận hành vi trộm cắp hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng của công ty TNHH Z. Hoàng Văn H và Nguyễn Hữu L khai nhận hành vi tiêu thụ tài sản là các hạt nhựa ABS chưa qua sử dụng do Trần Văn P cùng đồng phạm trộm cắp của công ty TNHH Z và ngày 24/7/2019.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 300/KLTS-TTHS ngày 23/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã T kết luận: 2040 kg hạt nhựa ABS có giá trị là 90.780.000 đồng. Ngày 20/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra Quyết định xử lý vật chứng số 42 trả lại 2040 kg hạt nhựa ABS cho ông C là đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Z, ông C không yêu cầu gì khác.

Xe ô tô biển số 61C – 091.62 do ông Hoàng Văn V đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 24/7/2019, Hoàng Văn H sử dụng xe 61C – 091.62 làm phương tiện phạm tội thì ông Việt không biết. Ngày 20/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử lý vật chứng số 42 trả lại xe

ô tô 61C – 091.62 cho ông Việt và trả cho Hoàng Văn H 01 Giấy phép lái xe hạng A1; C tên Hoàng Văn H.

Tại bản Cáo trạng số 184/CT-VKS.TU ngày 10/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định:

- Trần Văn P, Nguyễn Ngọc Q, Phan Thanh T3 và Lê Văn T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Hoàng Văn H, Nguyễn Hữu L đã phạm về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Ngọc Q, Phan Thanh T3 và Lê Văn T2 được hưởng tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, tài sản đã được hoàn trả cho bị hại nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoàng Văn H và Nguyễn Hữu L được hưởng tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, tài sản đã được hoàn trả cho bị hại. Bị cáo Hoàng Văn H có cha ruột Hoàng Văn V được nhà nước tặng H chương chiến sỹ giải phóng; H chương chiến công giải phóng hạng ba; H chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Trần Văn P từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 (Năm) năm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 (Bốn) đến 05 (Năm) năm.

- Xử phạt bị cáo Phan Thanh T3 từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 (Bốn) đến 05 (Năm) năm.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 01 (một) năm đến 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại hiệu Nokia 1280 là vật chứng trong vụ án, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại hiệu Iphone 7Plus là tài sản riêng của bị cáo H không liên quan đến vụ án nên hoàn trả cho bị cáo H.

- Đối với 01 điện thoại hiệu Iphone 6 là tài sản riêng của bị cáo L không liên quan đến vụ án nên hoàn trả cho bị cáo L.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không tranh luận gì thêm.

Trong phần nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đã biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Đối với bị cáo Lê Văn T2, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm đối với vụ án ngày 27/01/2022, thì bị cáo Lê Văn T2 bỏ trốn và đi khỏi nơi cư trú. Ngày 23/02/2022, Tòa án ban hành Quyết định bắt, tạm giam đối với bị cáo Lê Văn T2. Ngày 04/3/2022 Công an thị xã T có văn bản số 125/TB-CATU-HTTP về việc chưa thực hiện được việc bắt, tạm giam đối với bị cáo Lê Văn T2. Ngày 25/3/2022, Tòa án có Công văn số 173/TA-HS về việc yêu cầu truy nã. Ngày 26/4/2022, Công an thị xã T ban hành Quyết định truy nã số 21 đối với bị cáo Lê Văn T2. Ngày 26/5/2022 Công an thị xã T có văn bản số 370/CATU về việc truy nã không có kết quả nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo Lê Văn T2 theo quy định tại khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự. Người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông C và người làm chứng bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn

H, ông Hoàng Văn V vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, ông C, bà H1, ông H và ông V đã có lời khai đầy đủ. Vì vậy, việc vắng mặt của ông C, bà H, ông H và ông V không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của ông C, bà H, ông H và ông V.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Ngọc Q, Phan Thanh T3, Hoàng Văn H và Nguyễn Hữu L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 24/7/2019, tại Công ty TNHH Z thuộc khu công nghiệp Vsip IIA, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Trần Văn P, Nguyễn Ngọc Q, Phan Thanh T3 và Lê Văn T2 đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của công ty TNHH Z các bị cáo lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 2040 kg hạt nhựa ABS (chưa sử dụng) có giá trị là 90.780.000 đồng. Các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Ngọc Q, Phan Thanh T3 và Lê Văn T2 thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoàng Văn H và Nguyễn Hữu L biết rõ 2040 kg hạt nhựa ABS là tài sản do P trộm cắp của công ty nhưng Hoàng Văn H, Nguyễn Hữu L vẫn đồng ý mua và vận chuyển các hạt nhựa ABS lên xe biển số 61C – 091.62 để mang về tiệm thu mua phế liệu của H. Các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét, vai trò của các bị cáo trong vụ án là đồng phạm giản đơn, bị cáo Trần Văn P là người rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với từng hành vi phạm tội của mình.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu pháp của bị hại. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để có một hình phạt tương xứng nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong nhân dân.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Ngọc Q, Phan Thanh T3 và Lê Văn T2 quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;

tài sản đã được hoàn trả cho bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Hoàng Văn H và Nguyễn Hữu L được hưởng tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Bị cáo Hoàng Văn H có cha ruột Hoàng Văn V được nhà nước tặng H chương chiến sỹ giải phóng; H chương chiến công giải phóng hạng ba; H chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, các bị cáo bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Ngọc Q, Phan Thanh T3, Hoàng Văn H và Nguyễn Hữu L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này thì bản thân các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương, có nơi cư trú ổn định, bản thân bị cáo có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Đây là điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian nhất định cũng đủ sức tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, không gây nguy hiểm cho xã hội mà vẫn đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Đối với bị cáo Lê Văn T2 có hành vi bỏ trốn gây khó khăn trong việc giải quyết đối với vụ án. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại hiệu Nokia 1280 màu đen là vật chứng trong vụ án bị cáo H dùng điện thoại này để liên hệ với bị cáo P để thu mua hạt nhựa, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại hiệu Iphone 7Plus màu đen là tài sản riêng của bị cáo H không liên quan đến vụ án nên hoàn trả cho bị cáo H.

- Đối với 01 điện thoại hiệu Iphone 6 màu vàng đồng là tài sản riêng của bị cáo L không liên quan đến vụ án nên hoàn trả cho bị cáo L.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và biện pháp xử lý vật chứng là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Ngọc Q, Phan Thanh T3 và Lê Văn T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Hoàng Văn H và Nguyễn Hữu L phạm tội “Tiêu thụ tài sản người khác phạm tội mà có”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

- Xử phạt bị cáo Trần Văn P 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Phan Thanh T3 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L từ 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại hiệu Nokia 1280.
- Hoàn trả cho bị cáo Hoàng Văn H 01 điện thoại hiệu Iphone 7plus màu đen.
- Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Hữu L 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng đồng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Ngọc Q, Phan Thanh T3, Lê Văn T2, Hoàng Văn H và Nguyễn Hữu L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã Hưng Hòa, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo, bị hại;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Sơn